TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1659/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 11 - 2018
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Sỹ Thiệu;

Bà Nguyễn Thị Minh Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đình Tiến là Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 915/2018/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2018 về việc: "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 473/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 402/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Ngọc Băng T, sinh năm 1961; Địa chỉ: đường V, Phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh - Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Chiếm H, sinh năm 1957; Địa chỉ: Đường HT, Phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 6 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Thị Ngọc Băng T là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Trần Chiếm H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1984, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 106 ngày 26/12/1984 của UBND Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay bản chính giấy chứng nhận kết hôn bà đã làm thất lạc nên không thể cung cấp cho Tòa án được.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình sống chung hạnh phúc đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai không còn tình cảm, không thương yêu nhau nữa. Ông H nhiều lần lừa dối bà, sống không có trách nhiệm với gia đình. Hai vợ chồng thường xảy ra xung đột, sau đó tránh tiếp xúc, trò chuyện với nhau. Hai bên gia đình cũng có hàn gắn nhưng không

có kết quả. Đến năm 2003 thì vợ chồng không còn sống chung nữa, bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, sau đó ông H cũng về ở nhà cha mẹ ruột của ông và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Bà đã hai lần nộp đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân quận Gò Vấp nhưng lần thì ông H không đến Tòa, lần thì ông đến xin được tự hòa giải nên bà đã rút đơn và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, sau đó ông H đã không có ý hợp tác nên tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Chiếm H.

Về con chung: Bà và ông Trần Chiếm H có 02 con tên Trần Ngọc Vân K, sinh ngày 13/3/1989 và Trần Ngọc Vân A, sinh ngày 27/5/1993. Cả hai con đã thành niên.

Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ tại nơi cư trú của ông H nhưng ông vẫn không có mặt tại Tòa án để làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Trần Chiếm H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Võ Thị Ngọc Băng T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn. Bị đơn là ông Trần Chiếm H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về nội quy phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện bà Võ Thị Ngọc Băng T và ông Trần Chiếm H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1984, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 106 ngày 26/12/1984 của UBND Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay, bà Võ Thị Ngọc Băng T có yêu cầu ly hôn với ông Trần Chiếm H và theo kết quả xác minh thì bị đơn có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại địa chỉ 221 Đường số 28, Phường 6, quận Gò Vấp nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Trần Chiếm H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản

3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Bà Võ Thị Ngọc Băng T cho rằng bà và ông Trần Chiếm H trong quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Ông H nhiều lần lừa dối bà, sống không có trách nhiệm với gia đình. Hai vợ chồng thường xảy ra xung đột, sau đó tránh tiếp xúc, trò chuyện với nhau. Hai bên gia đình có hàn gắn nhưng không có kết quả. Ông bà đã không còn sống chung từ năm 2003 đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên có yêu cầu được ly hôn với ông Trần Chiếm H.

[4] Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau…",* nhưng theo nguyên đơn trình bày thì bà và ông Trần Chiếm H đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2001, ông bà không còn thương yêu, chia sẻ, quan tâm, chăm sóc nhau để vun đắp cho cuộc sống gia đình và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2003 đến nay. Điều này cũng phù hợp với kết quả xác minh của UBND Phường 5, Quận 10 thể hiện ông bà đã sống ly thân từ năm 2003 đến nay do quá trình chung sống ông bà thường xuyên mâu thuẫn và không hòa thuận, ảnh hưởng đến tình cảm của hai người.

[5] Tòa án đã triệu tập ông Trần Chiếm H đến Tòa án tham gia hòa giải cũng như tham gia phiên toà nhưng ông không đến thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm cũng như không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà Tâm đã ba lần nộp đơn đến Tòa yêu cầu ly hôn cho thấy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Võ Thị Ngọc Băng T yêu cầu ly hôn là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Ngọc Băng T.

[6] Về con chung: Bà Võ Thị Ngọc Băng T khai có 02 con tên Trần Ngọc Vân K, sinh ngày 13/3/1989 và Trần Ngọc Vân A, sinh ngày 27/5/1993. Cả hai con đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Ngọc Băng T khai không có. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Trần Chiếm H nên không có cơ sở xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp, các bên sẽ khởi kiện trong vụ án khác.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Võ Thị Ngọc Băng T:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Ngọc Băng T được ly hôn với ông Trần Chiếm H.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 106 ngày 26/12/1984 của UBND Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, hết hiệu lực).

1.2. Về con chung: Có 02 con tên Trần Ngọc Vân K, sinh ngày 13/3/1989 và Trần Ngọc Vân A, sinh ngày 27/5/1993. Cả hai con đã thành niên.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Trường hợp có phát sinh tranh chấp, các bên sẽ khởi kiện trong vụ án khác.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do bà Võ Thị Ngọc Băng T chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0029568 ngày 04/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Tâm đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện KSND Q.Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- UBND Quận 10, TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Điệp